

Bản án số: 31/2018/HS-PT
Ngày 23 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Châu Minh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Đoan là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Hồng Kông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn D, do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2017/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Họ và tên: Lê Văn D, sinh năm 1977, tại thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thuyền trưởng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê V D và bà: Lê Kim Đ; vợ: Nguyễn Mộng K; con: 03 người (lớn nhất 14 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; khởi tố, cầm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 19/10/2017; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

Bị hại: Huỳnh Thị Thúy M, sinh ngày 12/4/1985; nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03 tháng 9 năm 2017, Lê Văn D, Lê Văn L, Lại Bé E, Nguyễn Văn V tổ chức uống rượu tại nhà ông Phạm Văn X ở ấp Tham Trơi, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong lúc uống rượu, D có nhờ L rước Huỳnh Thị Thúy M đến chơi.

Khi M đến, D mượn điện thoại của M điện cho chị Đ nhưng M lấy điện thoại lại, nên L đi đến nhà chị Đ. Một lúc sau M lấy xe của L chạy về nhà, rồi quay lại nhà ông X gặp D và Bé E con ông X. Lúc này L điện kêu M đưa xe đến cho L,

M nói: “*Mượn xe ở đâu thì trả lại chỗ đó*”. D mượn điện thoại của M điện cho L và chửi thề nói: “*Bữa nay tao đâm thẳng L và đuổi nó về Bến Tre luôn*”. Nghe thấy vậy, M lấy lại điện thoại, D kêu Bé E đưa D về nhà.

Bé E và V đi trước ra lộ, tiếp đến là D, đi sau là M. Khi đến trước sân nhà ông X, M kêu V chở M về nhà. D quay lại nói: “*Không chở về gì hết, tao đâm chết mẹ mày luôn*”, rồi dùng tay trái đánh trúng vào bên tai phải của M một cái. M ngồi xuống dùng hai tay ôm mặt và hỏi D làm gì đánh M. D không trả lời, bỏ đi ra lộ. M đi theo kéo D lại, mọi người can ngăn. Sau đó V chở M đi Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời điều trị thời gian từ 05/9/2017 đến 13/9/2017.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, Huỳnh Thị Thúy M đến Công an xã Khánh Bình Đ trình báo vụ việc, đồng thời có đơn yêu cầu xử lý hình sự Lê Văn D và yêu cầu bồi thường khoản tiền 28.997.474 đồng, Lê Văn D đã khắc phục hậu quả cho chị M số tiền 20.448.000 đồng (Bảng kê BL: 104).

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 57/TgT ngày 09 ngày 10 năm 2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Cà Mau kết luận tỷ lệ thương tật của Huỳnh Thị Thúy M, thể hiện như sau: Tai phải thủng màng nhĩ, hiện tại tai phải nghe kém độ 3 (Nghe kém nặng). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn D 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo D bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Thúy M tổng cộng 29.443.000 đồng, trừ số tiền bị cáo đã khắc phục 20.448.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 8.995.000 đồng (Tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, bị hại Huỳnh Thị Thúy M có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức hình phạt án sơ thẩm đã xử đối với bị cáo; đồng thời yêu cầu buộc bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại (Tổn thất tinh thần, ngày công lao động, ngày công người nuôi bệnh, toa vé điều trị, tổn hại sức khỏe và tiền điều trị về sau) tổng cộng là 177.807.000 đồng.

Ngày 09 tháng 03 năm 2018, bị hại M có đơn kháng cáo bổ sung, nội dung yêu cầu tăng hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo; buộc bị cáo bồi thường tổng cộng 143.095.000 đồng, trừ 20.000.000 đồng đã nhận, còn phải bồi thường tiếp 123.095.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại M giữ yêu cầu kháng cáo: Về hình sự yêu cầu xét xử theo pháp luật; về bồi thường dân sự yêu cầu tăng số tiền bồi thường cụ thể như sau:

- Tiền đi, lại cứu chữa và ăn uống (taxi, xe ôm, ăn, nghỉ) thời gian ở viện 09 ngày là 930.000đ.

- Tiền thuốc, viện phí: 3.057.000đ + 446.000đ = 3.503.000đ (có bổ sung).

- Mất thu nhập nằm viện 09 ngày x 500.000đ/ngày = 4.500.000đ.

- Mất thu nhập nghỉ điều trị phục hồi sức khỏe 06 tháng x 4.500.000đ/tháng = 27.000.000đ.

- Tổn thất tinh thần 30 tháng x 3.320.000đ/tháng = 99.600.000đ.

- Mất thu nhập người nuôi bệnh 09 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ.

- Chi phí điều trị phát sinh (phục hồi sức khỏe) = 5.312.000đ gồm khám bệnh và tiền thuốc 4.712.000đ, tiền xe đi, về 600.000đ.

=> Tổng các khoản là 143.095.000đ. Đối trừ số tiền 20.000.000đ bị cáo đã bồi thường còn phải bồi thường tiếp là 123.095.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đối với bị hại chấp nhận quyết định của án sơ thẩm đã xử; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xử đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo ngày 08/01/2018 của bị hại M trong hạn, đúng quy định của pháp luật. Ngày 09/3/2018 bị hại có kháng cáo bổ sung và tại phiên tòa có thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu kháng cáo. Việc thay đổi bổ sung nội dung, yêu cầu kháng cáo của bị hại xét thấy không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu và không làm bất lợi đối với bị cáo nên được chấp nhận xem xét.

[2] Xét bản án sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xử bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 do bị cáo thực hiện hành vi dùng tay đánh vào vùng đầu, tai, gây tổn thương cơ thể của bị hại M 13% vào ngày 03/9/2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Điều này đã được bị cáo, bị hại khai nhận phù hợp với nhau trong giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm; phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời có trong hồ sơ vụ án.

[3] Việc phạm tội của bị cáo là do lúc uống rượu không làm chủ bản thân, có hành động, lời nói không chuẩn mực, xúc phạm người khác. Trong khi giữa bị cáo bị hại không có mâu thuẫn, là bạn cùng uống rượu chung với nhau. Nhưng vì khi mượn điện thoại của bị hại nói chuyện với Lê Văn L, bị cáo có lời lẽ chửi, đe dọa

đòi đâm L. Bị hại sợ bị liên lụy lấy lại điện thoại, bị cáo bức tức dùng tay đánh bị hại gây ra thương tích. Hành vi phạm tội của bị cáo D là bộc phát, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do bị cáo gây ra 13% là không lớn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước và sau xét xử sơ thẩm có tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; có địa chỉ rõ ràng; có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách 02 năm là đúng pháp luật, đủ để bị cáo cải tạo, sửa đổi bản thân. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường: Tại cấp sơ thẩm bị hại có bảng kê BL: 104 yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại với tổng số tiền là 29.443.000đ gồm các khoản: Tiền mất thu nhập thời gian điều trị bệnh là 4.000.000đ; mất thu nhập 06 tháng dưỡng bệnh là 7.800.000đ; tổn thất tinh thần 10 tháng lương tối thiểu là 13.000.000đ; mất thu nhập của người nuôi bệnh là 1.600.000đ; tiền xe đi lại và tiền thuốc điều trị theo toa vé là 3.043.474đ, đã được án sơ thẩm chấp nhận buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Nay tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại M yêu cầu tăng hơn về các khoản bồi thường gồm: Mất thu nhập những ngày nằm viện điều trị là 4.500.000đ; mất thu nhập trong thời gian 06 tháng dưỡng bệnh là 27.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 99.600.000đ; mất thu nhập của người nuôi bệnh 2.250.000đ nhưng không có lý do chính đáng nên không có cơ sở để chấp nhận. Riêng đối với 02 khoản tiền gồm: Tiền ăn trong thời gian trị bệnh 930.000đ và tiền toa vé đi lại khám điều trị bệnh sau xét xử sơ thẩm đến trước ngày xét xử phúc thẩm là 4.560.120đ là thiệt hại thực tế mới phát sinh cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị hại. Do đó, cần chấp nhận buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 02 khoản tiền thiệt hại này. Như vậy, cần sửa một phần án sơ thẩm số tiền bồi thường cụ thể các khoản như sau: Tiền ăn trong thời gian trị bệnh là 930.000đ;

Tiền toa vé xe đi lại, tiền thuốc điều trị trước xét xử sơ thẩm là 3.043.474đ;

Tiền toa vé xe đi lại, tiền thuốc điều trị sau xét xử sơ thẩm là 4.560.152đ;

Tiền mất thu nhập của người bệnh là 4.000.000đ;

Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 1.600.000đ;

Tiền mất thu nhập thời gian dưỡng bệnh 06 tháng là 7.800.000đ;

Tiền tổn thất tinh thần là bằng 10 tháng lương tối thiểu là 13.000.000đ.

Tổng các khoản bị cáo phải bồi thường là 34.933.626đ. Bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ được đối trừ. Số tiền còn lại bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại là 14.933.626đ. Ngày 17/4/2018 gia đình bị cáo có nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời số tiền 8.995.000đ để bồi thường, số tiền này sẽ được đối trừ với số tiền bị cáo phải bồi thường trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5% án phí dân sự có giá ngạch tính trên số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại. Cụ thể $14.933.626đ \times 5\% = 746.681đ$.

Do kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Thúy M được chấp nhận nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Thúy M; sửa bản án sơ thẩm số: 83/2017/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau về trách nhiệm bồi thường.

Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn D 01 (một) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Lê Văn D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Thúy M tổng số tiền là 34.933.626 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng). Bị cáo đã bồi thường được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) được đối trừ, còn phải bồi thường tiếp 14.933.626 đồng (Mười bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo. không tự nguyện thi hành xong số tiền phải thi hành, hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 746.681 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại Huỳnh Thị Thúy M không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân